

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Mặt cắt đường rộng 16,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 2x4,5m.	19.000			
6.43	HTKT Tiểu khu 3, thị trấn Nham Biền (Nay là phường Yên Dũng) cạnh Thực Liễu				
-	Mặt cắt đường rộng 16,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 2x4,5m	18.000			
-	Mặt cắt đường rộng 16m, lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè 2x4,5m	20.000			
-	Mặt cắt đường rộng 19,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè 2x4,5m	22.000			
6.44	Khu dân cư thôn Bùi Bền, xã Yên Lư	19.000			
*	Đất ven các trục đường giao thông				
6.45	Đường từ Công an phường đi xã Thắng Cương cũ (đường DH4 cũ)	10.000	6.000		
6.46	Đường tỉnh 398 thuộc địa phận phường Yên Dũng giáp đất phường Cảnh Thụy đến giáp TDP Trúc Tay, phường Nénh (đường huyện DH5B)				
-	Đoạn từ điểm giao đường nối QL17 đến hết đê Tả Cầu Yên Lư (thuộc địa phận xã Yên Lư cũ)	18.000	11.000		
-	Đoạn từ đê Tả Cầu đến hết địa phận phường Yên Dũng giáp địa phận phường Nénh	15.000	9.000		
*	Khu dân cư dự kiến đầu giá 2026-2030				
6.47	Khu tái định cư Khu công nghiệp Yên Lư thuộc tổ dân phố Thành Long				
-	Mặt cắt đường rộng 22,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè 2x6m.	12.000			
-	Mặt cắt đường rộng 20m, lòng đường rộng 8m, vỉa hè 2x6m.	11.000			
-	Mặt cắt đường rộng 17m, lòng đường rộng 8m, vỉa hè phía phân lô 6m, phía dân cư hiện trạng 3m.	11.000			
6.48	Khu tái định cư Núi Rùa thuộc tổ dân phố 6	13.500	8.000		
6.49	Khu tái định cư thuộc tổ dân phố Kem cạnh khu nhà ở xã hội	18.500	11.000		
7	PHƯỜNG CẢNH THUY				
7.1	Đường tỉnh 398 (đường DH.5B)				
-	Đoạn từ điểm giao Đường tỉnh 299 đến hết địa phận phường Cảnh Thụy.	20.000	12.000		
7.2	Đường tỉnh 299 D (đường dẫn lên cầu Đồng Việt)				
-	Đoạn địa phận phường Cảnh Thụy	20.000	12.000		
7.3	Đường tỉnh 299 (đường 398 cũ)				
-	Đoạn từ cổng Buộm (tiếp giáp phường Yên Dũng) đến cây xăng ông Bộ	22.000	13.200		
-	Đoạn từ cây xăng ông Bộ đến trường THPT Yên Dũng số 3	18.000	10.800		
-	Đoạn từ trường THPT Yên Dũng số 3 hết địa phận phường Cảnh Thụy (tiếp giáp xã Đồng Việt).	16.000	9.600		
7.4	Đường trục xã				
-	Đoạn từ ngã tư cây xăng ông Bộ đi điểm giao cắt đường Pháp Loa đến cổng Đình (ngã 3, TDP Tây).	15.000	9.000		
-	Đoạn từ ngã tư cây xăng ông Bộ đến đường DH.5B	15.000	9.000		
-	Đoạn từ đường DH.5B đi ngã 3 UBND xã Tư Mại cũ đi cầu Thượng TDP Đông Khánh đến bến đò Phù Lãng.	10.000	6.000		

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Đoạn từ cổng trạm Y tế xã Tư Mại cũ đến hết đất nhà ông Toàn TDP Bắc Am cũ	8.000	4.800		
-	Đoạn từ nhà ông Toàn TDP Bắc Am đến dốc đê sông Cầu (hết địa phận nhà ông Đào)	6.500	3.900		
-	Đoạn từ đường nối đường tỉnh 299 (qua quán bà Trà) đến ngã tư đầu làng TDP Chùa	8.000	4.800		
-	Từ ngã tư đầu làng TDP Chùa đến đê sông Thương	7.000	4.200		
-	Đoạn từ đường nối đường tỉnh 299 (miếu cô Hoa) đến đê sông Thương.	8.000	4.800		
-	Đoạn từ đường tỉnh 299 (gần cổng trường PTTH Yên Dũng số 3) đi Nhà văn hóa tổ dân phố Tân Mỹ	10.000	6.000		
-	Đoạn từ đất nhà ông Loan đi ngã 3 rẽ vào TDP Núi Ô	6.000	3.600		
-	Đoạn từ ngã 3 rẽ vào TDP Núi Ô đi đê sông Thương	5.000	3.000		
*	Các khu dân cư mới				
7.5	Khu dân cư Lạc Phú 3 phường Cảnh Thụy				
-	Đường mặt cắt 3A-3A (Tuyến song song với đường tỉnh 299)	22.000			
-	Đường mặt cắt 2-2 (Độc đường ĐH3 đi xã Tư Mại, tiếp giáp khu dân cư cũ)	15.000			
-	Đường mặt cắt 3-3 (Đường nội bộ khu đô thị) - LK01 (Từ ô 25 đến ô 50)	13.000			
-	Đường mặt cắt 3-3 (Đường nội bộ khu đô thị) - Các vị trí còn lại	11.000			
-	Đường mặt cắt 1-1 (đường vành đai phía Nam)	13.000			
-	Đường mặt cắt 5A-5A (Đường nội bộ khu đô thị tiếp giáp với bến xe)	11.000			
7.6	Khu dân cư mới xã Cảnh Thụy - thị trấn Neo (nay là phường Cảnh Thụy - phường Yên Dũng)				
-	Mặt cắt đường rộng 23,0 m lòng đường rộng 14,0 m vỉa hè 2 bên mỗi bên 4,5 m; giữa có dải cây xanh ngăn cách	20.000			
-	Mặt cắt đường rộng 16,0m, lòng đường rộng 7,0 m vỉa hè 2 bên mỗi bên 4,5 m.	16.000			
-	Mặt cắt đường rộng 32,0 m, lòng đường rộng 20,0 m vỉa hè 2 bên mỗi bên 6,0 m.	20.000			
7.7	KDC mới xã Cảnh Thụy (gói 5)				
-	Mặt cắt đường rộng 32m, lòng đường rộng 22m, vỉa hè 6mX2 (LK10 từ lô số 299 đến lô 311), đối diện Lạc Phú 3	20.000			
-	Mặt cắt đường rộng 19m, lòng đường rộng 9m, vỉa hè 5mX2 (LK10 từ lô số 311 đến lô 314; LK11 từ lô 341 đến lô 347)	18.000			
-	Mặt cắt đường rộng 16,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 4,5mX2 (LK10 từ lô số 315 đến lô 326; LK11 từ lô 327-340; từ lô 348 - 361)	16.000			
7.8	Khu dân cư mới xã Tư Mại cũ (Khu 1)				
-	Mặt cắt đường rộng 20,5m, lòng đường rộng 10,5 m vỉa hè 2 bên mỗi bên 5,0 m	18.000			
-	Các lô có đường Mặt cắt đường rộng 16,5 m, lòng đường rộng 7,5 m vỉa hè 2 bên mỗi bên 4,5 m	16.000			
-	Mặt cắt đường rộng 19,0 m, lòng đường rộng 9,0 m vỉa hè 2 bên mỗi bên 5,0 m	18.000			
7.9	Khu dân cư mới xã Tư Mại cũ (Khu 2)				

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Mặt cắt 16,5 m, hè đường 4,5mx2	16.000			
-	Mặt cắt 22,5 m, hè đường 6mx2	20.000			
-	Mặt cắt 19 m, hè đường 5mx2	18.000			
7.10	Khu dân cư mới thôn Huyện (TDP Huyện)				
-	Các lô thửa đất tiếp giáp với trục đường đoạn từ đường tỉnh 299 (miếu cô Hoa) đi về sông Thương)	8.000			
-	Các thửa đất còn lại	5.000			
7.11	Khu dân cư thôn Tây xã Cảnh Thụy cũ (nay là phường Cảnh Thụy)				
-	Các thửa đất tiếp giáp với trục đường từ ngã tư cây xăng ông Bộ đi điểm giao cắt đường Pháp Loa đến cổng Đình (ngã 3, TDP Tây).	15.000			
-	Các thửa đất còn lại	12.000			
7.12	Khu dân cư thôn Đông xã Cảnh Thụy cũ (nay là phường Cảnh Thụy)				
-	Các thửa đất tiếp giáp với trục đường từ cây xăng ông Bộ đi trường THCS Yên Dũng số 3	18.000			
-	Các thửa đất còn lại	12.000			
7.13	Khu dân cư mới Cảnh Thụy - Tư Mại				
-	Các thửa đất tiếp giáp với trục đường từ cây xăng ông Bộ đi đường ĐH.5B	15.000			
-	Các thửa đất còn lại	12.000			
7.14	Khu dân cư số 2 Cảnh Thụy				
-	Các lô thuộc LK: 04	16.000			
-	Các lô Biệt thự BT: 01	10.000			
-	Các lô đất còn lại thuộc LK:01, LK:02, LK:03	8.000			
7.15	Các vị trí còn lại trong các tổ dân phố thuộc phường Cảnh Thụy	4.500			
8	XÃ ĐỒNG VIỆT				
8.1	Đường Tỉnh lộ 299 (cũ là đường tỉnh 398)				
-	Đoạn từ bến phà Đồng Việt đến giáp đất dự án khu dân cư Nam Tiến	10.000	6.000		
-	Đoạn từ hết đất dự án khu dân cư Nam Tiến đến điểm rẽ phường Cảnh Thụy (quán Bà Trà) đến hết đất trường THPT Yên Dũng số 3	16.000	9.600		
8.2	Trục địa phận xã				
-	Đoạn từ ngã 3 nối đường tỉnh 299 đến dốc về Cao Đồng (khu vực ngã 6)	10.000			
-	Đoạn từ đất nhà ông Nho (hết đất khu vực ngã) đến trạm bơm Cổ Pháp, thôn Cựu Tân	7.000			
-	Đoạn nối từ đường 299 đến hết đất nhà ông Phạm Văn Khương, thôn Đường, xã Đồng Việt	8.000	4.800		
-	Đoạn nối từ đường 299 (qua quán Bà Trà) đi phường Cảnh Thụy (các thửa đất thuộc địa phận xã Đức Giang)	8.000	4.800		
*	Các khu dân cư mới				
8.3	Khu dân cư mới xã Đức Giang				
-	Các ô mặt tiếp giáp đường gom TL398 - Mặt cắt 3-3 rộng 17m (lòng đường rộng 9m; vỉa hè một bên rộng 5m và một bên rộng 3m)	18.000			